

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H, THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Bản án số:
33/2019/KDTM-ST**

Ngày: 30/11/2019

**V/v: Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thủy

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

2/ Bà Nguyễn Thị Như Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Trường – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên Tòa: Bà -
Trần Trà Giang - Kiểm sát viên**

Trong hai ngày 29;30/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 33/2018/KDTM-ST ngày 02/08/2018, về việc: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXX-ST ngày 22/11/2019;

Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH đầu tư và thương mại MK

Trụ sở: Số 557 phố M, Phường V, Quận H, TP. H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc D

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại KT

Trụ sở: Xóm G, xã C, huyện Đ, TP. H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim T

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập:

Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Xóm G, xã C, huyện Đ, TP. H

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ông Nguyễn Kim Q

Địa chỉ: Xóm N, xã C, huyện Đ, TP. H

-Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Xóm G, xã C, huyện Đ, TP. H

-Bà Nguyễn Thị G

Địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện Đ, TP. H

-Ông Nguyễn Kim K

Địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện Đ, TP. H

-Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Khu tập thể Đ, xã H, huyện Đ, TP. H.

-Ông Nguyễn Kim T

(Tất cả các đương sự trên đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

• *Nguyên đơn: Công ty TNHH đầu tư và thương mại MK do ông Nguyễn Quốc D đại diện trình bày:*

Tại đơn khởi kiện ngày 10/05/2016; cũng như tại bản tự khai, cùng các biên bản làm việc tại Tòa, Công ty TNHH MK có ý kiến như sau:

Trong năm 2011 Công ty TNHH Đầu tư và thương mại MK và Công ty TNHH dịch vụ thương mại KT đã ký kết các hợp đồng kinh tế dưới đây:

- Hợp đồng kinh tế số 05-11/HĐKT ngày 02/04/2011 hàng hóa là Máy gia công giấy các loại do Trung Quốc sản xuất số tiền là 63.250 USD. Thời hạn thanh toán hết trong vòng 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.

- Hợp đồng kinh tế số 06-11/HĐKT ngày 02/04/2011 hàng hóa là Máy gia công giấy các loại do Trung Quốc sản xuất. Số tiền là 24.750 USD. Thời hạn thanh toán hết trong vòng 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.

- Hợp đồng kinh tế số 0106/ MK-KT ngày 01/06/2011, hàng hóa là Tôn cuộn Q195 số tiền là 5.610.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán hết trong vòng 150 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng kèm theo hóa đơn GTGT.

- Hợp đồng kinh tế số 07-11/HĐ-KT ngày 10/07/2011, hàng hóa là Máy gia công giấy các loại do Trung Quốc sản xuất số tiền là 69.190 USD. Thời hạn thanh toán hết trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận hàng.

- Trong đó 03 bản hợp đồng kinh tế là Hợp đồng kinh tế số 05-11/HĐKT ngày 02/04/2011, 06-11/HĐKT ngày 02/04/2011, 07-11/HĐ-KT ngày 10/07/2011 có nội dung ký bằng ngoại tệ vì liên quan đến hàng hóa nhập khẩu, hai bên thỏa thuận và thực hiện khi thanh toán bằng tiền việt nam đồng với giá quy đổi ngoại tệ là giá ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Đến thời hạn, Công ty MK đã hoàn tất việc giao hàng cho Công ty KT, Công ty KT đã nhận đủ hàng và ký Biên bản nhận nợ. Nhưng đến hạn Công ty KT không thanh toán các hợp đồng đã ký với MK.

Công ty MK đã nhiều lần nhắc nợ, gửi thông báo tới công ty KT yêu cầu thanh toán, nhưng chỉ được phản hồi bằng cam kết thanh toán.

Tại cam kết thanh toán ngày 28 tháng 8 năm 2012, công ty KT đã bàn giao cho MK được toàn quyền giải quyết là 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B867657 và Đ244901 tại xóm G, xã C, huyện Đ, TP. H do ông Nguyễn Kim Đ đứng tên.

Theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng giữa công ty MK và công ty KT ngày 15/03/2016 thì KT thống nhất khoản nợ là 15.456.684.141 đồng (mười năm tỷ, bốn trăm năm sáu triệu, sáu trăm tám tư nghìn, một trăm bốn một đồng).

Nay, Công ty TNHH Đầu tư và thương mại MK yêu cầu:

Thứ nhất: Yêu cầu Công ty TNHH dịch vụ thương mại KT thực hiện nghĩa vụ thanh toán, căn cứ theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng giữa hai bên ngày 15/03/2016 là **15.456.684.141** (mười năm tỷ, bốn trăm năm sáu triệu, sáu trăm tám tư nghìn, một trăm bốn một đồng).

Từ 15/03/2016 không yêu cầu công ty KT thanh toán lãi chậm trả đối với số tiền **15.456.684.141** (mười năm tỷ, bốn trăm năm sáu triệu, sáu trăm tám tư nghìn, một trăm bốn một đồng)

-Thứ hai: Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B 867657 và Đ 244901 tại xóm G, xã C, huyện Đ, TP. H do ông Nguyễn Kim Đ đứng tên. Công ty MK không có chức năng cầm cố, nhận thế chấp, cho vay tín dụng, cho nên việc công ty KT giao 02 giấy chứng nhận trên cho công ty MK, mục đích là để tạo lòng tin cho việc công ty KT có thiện chí thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với công ty MK. Nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty MK đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận trên cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập sau khi Công

ty TNHH Dịch vụ thương mại KT thanh toán hết khoản nợ: 15.456.684.141 (mười năm tỷ, bốn trăm năm sáu triệu, sáu trăm tám tư nghìn, một trăm bốn một đồng)

Ngoài ra, Nguyên đơn không có trình bày và yêu cầu gì khác.

• *Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại KT do ông Nguyễn Kim T đại diện trình bày:* Tại các biên bản làm việc tại Tòa án và công văn số 12/ KV-CV ngày 11/03/2019 V/v Xác minh công nợ khẳng định: Đã thanh toán tương ứng với từng hợp đồng số dư nợ còn phải thanh toán của Công ty TNHH ĐT& TM MK là **529.536.940** đồng (Năm trăm hai chín triệu, năm trăm ba sáu ngàn, chín trăm bốn mươi đồng)

Kèm với công văn là bảng thống kê chi tiết gửi kèm và các bản sao hóa đơn, chứng từ, tài liệu giao dịch qua Ngân hàng. Ngoài ra không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không đề nghị đưa thêm tổ chức các nhân nào khác tham gia tố tụng.

• *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 23/09/2019 đã yêu cầu công ty TNHH Dịch vụ Thương mại KT và Công ty TNHH đầu tư và thương mại MK trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ số: B867657 và Đ244901 tại xóm G, xã C, huyện Đ, TP. H đứng tên ông Nguyễn Kim Đ (đã chết).

Trong đơn bà N trình bày việc Công Ty TNHH KT do anh T đại diện đem giấy chứng nhận của gia đình giao cho Công ty MK để làm tin là việc làm sai trái. Bà và các con không đồng ý với việc làm của anh T. Nay yêu cầu công ty MK trả lại.

• *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác bao gồm:* Ông Nguyễn Kim Q, Bà Nguyễn Thị T, Địa chỉ: Xóm G, xã C, huyện Đ, TP. H; Bà Nguyễn Thị G, Ông Nguyễn Kim K, Bà Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Kim T: Điều thống nhất với ý kiến của Bà N và không có trình bày gì khác.

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty MK trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ và liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên ý kiến và không trình bày gì khác.

• *Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và không trình bày gì khác.*

• *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đưa ra quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật:

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận H

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Tài liệu điều tra đã đầy đủ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, các đương sự chấp hành theo thông báo của Tòa án.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Qua xem xét hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, Viện kiểm sát thấy rằng

Số tiền nợ gốc của 04 hợp đồng là: 8.840.782.500 đồng (Tám tỉ tám trăm bốn mươi triệu, bảy trăm tám hai ngàn, năm trăm đồng); Biên bản chốt nợ ngày 15/03/2006, số tiền hai bên chốt nợ với nhau là: 15.456.684.141 (mười năm tỷ, bốn trăm năm sáu triệu, sáu trăm tám tư nghìn, một trăm bốn một đồng). Như Nguyên đơn trình bày: 6.615.901.641 (Sáu tỉ, sáu trăm mười năm triệu, chín trăm linh một ngàn, sáu trăm bốn một đồng) là tiền lại lãi do chậm thanh toán.

Đề nghị HĐXX làm rõ căn cứ tính số tiền lãi: 6.615.901.641 (Sáu tỉ, sáu trăm mười năm triệu, chín trăm linh một ngàn, sáu trăm bốn một đồng). Trong trường hợp lãi suất số tiền lãi kê trên cao hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thì đề nghị HĐXX căn cứ vào điều 306 luật thương mại 2005 để tính lãi chậm thanh toán

Đề nghị HĐXX xem xét 02 giấy Ủy nhiệm chi ngày 06/06/2011; Ủy nhiệm chi ngày 12/11/2013. Hai giấy ủy nhiệm chi trên có nội dung liên quan đến hợp đồng đang tranh chấp.

- Sau khi xem xét các nội dung trên, đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.
- Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ thương mại MK trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ số B867657 và số B244901 đứng tên ông Nguyễn Kim Đ cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận H

Quan hệ pháp luật có tranh chấp “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa”

- **Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:**

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại KT

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Kim Q, Bà Nguyễn Thị T Địa chỉ: Xóm G, xã C, huyện Đ, TP. H; Bà Nguyễn Thị G,

Ông Nguyễn Kim K, Bà Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Kim T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung

2.1 - Xem xét nội dung, hình thức của các hợp đồng:

-Hợp đồng kinh tế số 05-11/HĐKT ngày 02/04/2011; Hợp đồng kinh tế số 06-11/HĐKT ngày 02/04/2011; Hợp đồng kinh tế số 07-11/HĐ-KT ngày 10/07/2011; Hợp đồng kinh tế số 0106/ MK-KT ngày 01/06/2011;

- Các bên tham gia ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là đúng chủ thể và người ký hợp đồng đúng thẩm quyền.

- Thời điểm ký kết hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của luật Thương mại 2005 phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân Sự 2005. Hợp đồng có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2 Xem xét quá trình thực hiện Hợp đồng

- Qua xem xét các tài liệu ký kết giữa hai bên, đã được đối soát trong quá trình giải quyết vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa thể hiện: Công ty MK đã hoàn tất việc giao hàng cho Công ty KT, Công ty KT đã nhận đủ hàng và đã ký Biên bản nhận hàng. Nhưng khi đến hạn thanh toán Công ty KT không thanh toán đầy đủ các khoản tiền phải trả cho các hợp đồng đã ký với công ty MK.

Như vậy Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng; cho nên ngoài việc phải thanh toán số tiền nợ gốc của hàng hóa theo hợp đồng; Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán do lỗi của công ty KT nên công ty KT phải có trách nhiệm chịu lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

2.3 Xem xét nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng

- Qua xem xét nội dung các hợp đồng; các biên bản chốt công nợ, nhắc nợ giữa Nguyên đơn và bị đơn; căn cứ Theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng giữa công ty MK và công ty KT ngày 15/03/2016 thì KT thống nhất khoản nợ là 15.456.684.141 đồng (mười năm tỷ, bốn trăm năm sáu triệu, sáu trăm tám tư nghìn, một trăm bốn một đồng). Số nợ đã chốt trên bao gồm:

- **Nợ gốc 8.840.782.500 đồng** (Tám tỉ tám trăm bốn mươi triệu, bảy trăm tám hai ngàn, năm trăm đồng)

- **Nợ lãi: 6.615,901.641 đồng** (Sáu tỉ, sáu trăm mười năm triệu, chín trăm linh một ngàn, sáu trăm bốn một đồng) đây là tiền lãi do chậm thanh toán mà hai bên thỏa thuận và chốt với nhau.

Nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm thanh toán phát sinh từ 15/03/2016 (Thời điểm chốt nợ) cho đến nay.

HĐXX nhận định việc Nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm thanh toán phát sinh từ 15/03/2016 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

- Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật về lãi chậm thanh toán, Qua xem xét yêu cầu của kiểm sát viên; HĐXX căn cứ điều 306 Luật Thương Mại 2005 xem xét lại từng Hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

- Hợp đồng kinh tế số 05-11/HĐKT ngày 02/04/201 số tiền gốc là 63.250 USD.

Ngày nhận hàng: 28/4/2011; Ngày chậm nhất phải thanh toán: 28/12/2011; Số ngày chậm thanh toán tính đến ngày 15/03/2016 là: 1539 ngày;

Tỉ giá hối đoái tại thời điểm ký kết: 20,556 đồng = 1USD, quy đổi: $63.250 \times 20,556 = 1.300.167.000$ (Một tỉ, ba trăm triệu, một trăm sáu bảy ngàn)

Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm năm 2011= 13,5%/năm

Tương đương: 0,037%/ngày. Như vậy số tiền lãi do chậm thanh toán của Hợp đồng kinh tế số 05-11/HĐKT ngày 02/04/2011 là:

$1539 \text{ ngày} \times 1.300.167.000 \times 0,037\% = \mathbf{740.354.094 \text{ đồng}}$. (Bảy trăm bốn mươi triệu ba trăm năm tư ngàn, không trăm chín tư đồng)

- Hợp đồng kinh tế số 06-11/HĐKT ngày 02/04/2011, Số tiền là 24.750 USD.

Ngày nhận hàng: 28/4/2011; Ngày chậm nhất phải thanh toán: 28/12/2011; Số ngày chậm thanh toán tính đến ngày 15/03/2016 là: 1539 ngày;

Tỉ giá hối đoái tại thời điểm ký kết: 20,556 đồng = 1USD, quy đổi: $24.750 \text{ USD} \times 20,556 = 508.761.000$ (Năm trăm linh tám triệu, bảy trăm sáu một ngàn đồng)

Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm năm 2011 = 13,5%/năm

Tương đương: 0,037% / ngày. Như vậy số tiền lãi do chậm thanh toán của Hợp đồng kinh tế số 05-11/HĐKT ngày 02/04/2011 là:

$1539 \text{ ngày} \times 508.761.000 \times 0,037\% = \mathbf{289.703.776 \text{ đồng}}$ (Hai trăm tám chín triệu, bảy trăm linh ba ngàn, bảy trăm bảy sáu đồng)

- Hợp đồng kinh tế số 0106/ MK-KT ngày 01/06/2011, số tiền là 5.610.000.000 đồng. Ngày nhận hàng: 07/06/2011; Ngày chậm nhất phải thanh toán: 04/11/2011; Số ngày chậm thanh toán tính đến ngày 15/03/2016 là: 1593 ngày; Lãi suất 13,5%/năm, Lãi suất ngày: 0,037%/ngày. Số tiền lãi chậm trả là:

$1593 \times 5.610.000.000 \times 0,037\% = \mathbf{3.092.634.270}$ (Ba tỉ không trăm chín hai triệu, sáu trăm ba tư ngàn, hai trăm bảy mươi đồng)

- Hợp đồng kinh tế số 07-11/HĐ-KT ngày 10/07/2011, số tiền là 69.190 USD.

Ngày nhận hàng: 20/07/2011; Ngày chậm nhất phải thanh toán: 20/10/2011; Số ngày chậm thanh toán tính đến ngày 15/03/2016 là: 1608 ngày;

Tỉ giá hối đoái tại thời điểm ký kết: 20,550 đồng = 1USD, quy đổi: $69.190 \text{ USD} \times 20,550 = \mathbf{1.421.854.500}$ (Một tỷ, bốn trăm hai một triệu, tám trăm năm tư ngàn năm trăm đồng)

Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm năm 2011 = 13,5%/năm, tương đương: 0,037% / ngày.

Như vậy số tiền lãi do chậm thanh toán của Hợp đồng kinh tế số 07-11/HĐKT ngày 10/07/2011 là: $1608 \times 1.421.854.500 \times 0,037\% = \mathbf{845.946.553 \text{ đồng}}$. (Hai trăm tám chín triệu, bảy trăm linh ba ngàn, bảy trăm bảy sáu đồng)

- Tổng dư nợ lãi của 04 Hợp đồng tính đến ngày 15/03/2016 là: **4.968.638.693** (Bốn tỉ, chín trăm sáu tám triệu, sáu trăm ba tám ngàn, sáu trăm chín ba đồng)

- Tổng dư nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 13/5/2016 là: **13.809.421.193** (Mười ba tỉ tám trăm linh chín triệu bốn trăm hai một ngàn, một trăm chín ba đồng)

Số lãi nguyên đơn yêu cầu đã vượt quá số lãi được tính theo quy định của điều 306 Luật thương mại 2005 là: **6.615,901.641 - 4.968.638.693 = 1.647.262.948** (Một tỷ, sáu trăm bốn bảy triệu hai trăm sáu hai ngàn chín trăm bốn tám đồng)

Bị đơn trong quá trình giải quyết trình bày: Đã thanh toán tương ứng với từng hợp đồng số tiền nợ còn lại công ty TNHH ĐT& TM MK là 529.536.940 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh nào khác; Không thể giải thích trong quá trình đối chất giữa hai bên về biên bản đối chiếu chốt công nợ ngày 15/03/2016 tại sao có số nợ là: 15.456.684.141 đồng (mười năm tỷ, bốn trăm năm sáu triệu, sáu trăm tám tư nghìn, một trăm bốn một đồng).

Qua xem các tài liệu do bị đơn cung cấp trong quá trình giải quyết, đã được kiểm tra tại phiên tòa HĐXX nhận thấy: Có 02 phiếu Ủy nhiệm chi là liên quan trực tiếp đến các hợp đồng đang có tranh chấp; Cụ thể như sau:

- Ủy nhiệm chi ngày 12/11/2013 Ngân hàng Eximbank có nội dung thanh toán hợp đồng 05-11/HĐKT ngày 02/04/2011 cho Công ty đầu tư và thương mại MK.

Số tiền: **189.000.000 (Một trăm tám chín triệu đồng)**

- Ủy nhiệm chi ngày 06/06/2011 Ngân hàng Eximbank có nội dung ký quỹ hợp đồng 06-11/HĐKT ngày 01/06/2011 cho Công ty đầu tư và thương mại MK.

Số tiền: **515.000.000 (Năm trăm mười năm triệu đồng)**

Qua xem xét đánh giá tính hợp pháp, khách quan và liên quan của các tài liệu chứng cứ trên, HĐXX có cơ sở để chấp nhận Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền **704.000.000 (Bảy trăm linh tư triệu)**.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày biên bản chốt công nợ là nhằm mục đích giúp cho công ty MK vay vốn ngân hàng nhưng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh sự việc trên nên không có cơ sở để xem xét, do đó không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày số tiền nợ lại công ty TNHH ĐT& TM MK là 529.536.940 đồng của Bị đơn.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên HĐXX xác định phần nghĩa vụ bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: **13.809.421.193 - 704.000.000 =**

13.105.421.193 đồng (Mười ba tỷ, một trăm linh năm triệu, bốn trăm hai một ngàn, một trăm chín ba đồng)

Về yêu cầu độc lập của Người liên quan:

Nhận định của HĐXX: Công ty MK không có chức năng cầm cố, nhận thế chấp, cho vay tín dụng, cho nên việc công ty KT giao 02 giấy chứng nhận trên cho công ty Kim Khánh, để tạo lòng tin cho việc công ty KT có thiện chí thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với công ty MK việc công ty MK giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B867657 và Đ244901 khi công ty không có chức năng cầm cố, thế chấp, không thể đăng ký giao dịch bảo đảm theo nghị định 163/NĐ-CP là hành vi không đúng.

Nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở nên cần chấp nhận; Buộc công ty MK phải có trách nhiệm trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B867657 và Đ244901 cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Quyền kháng cáo, Kháng nghị

Vì các lẽ trên ...

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39, điều 70, điểm c, điểm d điều 227, điều 271, điều 273, điều 278, điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

-Căn cứ, điều 280, điều 281, điều 290, điều 322, điều 357, khoản 1, điều 468 Bộ luật dân sự 2005

-Căn cứ Điều 2; khoản 8 điều 3; khoản 3 điều 4; điều 24; điều 50; điều 306 Bộ luật thương mại 2005

Điều:2; điều6; điều 7; điều 9; điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

XỬ:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đầu tư và thương mại MK đối với Công ty TNHH dịch vụ thương mại KT về việc “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa”

Buộc công ty TNHH dịch vụ thương mại KT có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH đầu tư và thương mại MK số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là:

13.105.421.193 (Mười ba tỷ, một trăm linh năm triệu, bốn trăm hai một ngàn, một trăm chín ba đồng)

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị N về việc “Yêu cầu trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ số B 867657 và số B 244901”. Buộc Công ty TNHH đầu tư và thương mại MK trả lại 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số B 867657 và số Đ 244901 đứng tên ông Nguyễn Kim Độ cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N

3. Công ty TNHH dịch vụ thương mại KT phải chịu **121.105.421** đồng (một trăm hai một triệu, một trăm linh năm nghìn, bốn trăm hai một đồng) án phí thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH đầu tư và thương mại MK phải chịu **79.025.258** đồng (bảy chín triệu, không trăm hai năm nghìn, hai trăm năm tám đồng) án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận **2.351.262.948** đồng (Hai tỷ ba trăm năm một triệu hai trăm sáu hai ngàn chín trăm bốn tám đồng)

Sau khi khấu trừ số tiền: **61.728.342** đồng (Sáu một triệu, bảy trăm hai tám ngàn, ba trăm bốn hai đồng) Công ty TNHH đầu tư và thương mại MK đã nộp theo Biên lai số AA/2014/00839 ngày 02/08/2014 của Chi cục thi hành án quận H.

Công ty TNHH đầu tư và thương mại MK còn phải chịu số tiền 17.296.916 (Mười bảy triệu, hai trăm chín sáu ngàn, chín trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân quận H
- Chi cục thi hành án quận H
- Đường sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM XUÂN THỦY